

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TT  
TỈNH T**

Số: 12/2021/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TT, ngày 03 tháng 02 năm 2021*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, TỈNH T**

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 227/2020/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Anh Nguyễn Trường T, sinh năm 1994

Và chị Lê Thị Q, sinh năm 1995

Cùng địa chỉ: Thôn QT, xã TQ, huyện TT, tỉnh T.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã YT, huyện YĐ, tỉnh T vào ngày 27/11/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng nhiều quan điểm sống dẫn đến bất hòa kéo dài, cuộc sống vợ, chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên giải nhưng vợ chồng vẫn không hòa hợp được. Đến nay anh T và chị Q đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết cho hai bên được ly hôn.

[2]. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 30/8/2019. Sau khi ly hôn, anh T và chị Q thỏa thuận giao cháu H cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trường T cấp dưỡng nuôi con chung cùng

chị Lê Thị Q mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 02/2021 cho tới khi cháu Hải đủ 18 tuổi.

[3]. Về tài sản: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q thỏa thuận mỗi người sẽ nộp  $\frac{1}{2}$  số tiền lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q thống nhất, thỏa thuận giao cháu Nguyễn Trường H, sinh ngày 30/8/2019 cho chị Lê Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Trường T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Lê Thị Q mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng nuôi con tính từ tháng 02/2021 cho tới khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Lê Thị Q có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án anh Nguyễn Trường T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

- Về tài sản chung: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về các vấn đề khác: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q mỗi người phải nộp 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm anh, chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT theo biên lai số: AA/2018/0002927 ngày 04/11/2020. Anh Nguyễn Trường T và chị Lê Thị Q đã nộp đủ tiền lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- VKSND huyện TT;
- UBND xã YT, huyện YĐ;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Lê Văn Quân**